

Bản án số: 314/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 03/8/2020.

V/v: Tranh chấp HN&GD:

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - T PHỐ HÀ NỘI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tướng Ngọc Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Liên**

2. Bà **Nguyễn Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Tô Mạnh Hà**, thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03/8/2020 tại Trụ sở TAND huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2020 về Tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị N, sinh năm 1980.

2. Bị đơn: Anh Tạ Viết T, sinh năm 1971.

Đều đăng ký HKTT và chỗ ở: Đội 1, thôn 1, xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, T phố Hà Nội. Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai chị Đào Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị có đăng ký kết hôn với anh Tạ Viết T, sinh năm 1971 tại UBND xã Yên Hòa, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình vào ngày 14/11/1998, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân quan điểm sống, lối sống luôn bất đồng. Vợ chồng ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Tạ Viết Hoàng, sinh năm 2000 và cháu Tạ Viết Hợi, sinh năm 2007. Hiện nay cháu Hoàng đã trưởng T và tự lập. Nếu ly hôn chị giao cháu Hợi cho anh T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tạ Viết T trình bày: Anh có kết hôn với chị Đào Thị N, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Hòa, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống với nhau hạnh phúc, trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nhưng không đến mức trầm trọng, quan điểm sống bất đồng. Anh chị sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Nay chị N xin ly hôn, quan điểm của anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Tạ Viết Hoàng, sinh năm 2000 và cháu Tạ Viết Hợi, sinh năm 2007. Nếu phải ly hôn anh xin được nuôi cả hai con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay chị N vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Tại phiên tòa anh T không nhất trí ly hôn và xin được nuôi cả 02 con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về hôn nhân xử chị N được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu Hợi cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu Hoàng đã trưởng T và tự lập. Chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị N đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa chị N và anh T trên cơ sở có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không bảo ban được nhau, vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng trong lối sống, quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay, không ai quan tâm hỏi han đến ai. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng do anh T cố tình lẩn tránh và không đưa ra được phương pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N có đơn đề nghị ly hôn với anh T là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Tạ Viết Hoàng, sinh năm 2000 và cháu Tạ Viết Hợi, sinh năm 2007. Hiện nay cháu Hoàng đã trưởng T và tự lập. Khi ly hôn chị N xin được nhường con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T đề nghị được xin nuôi 02 con chung. Xét thấy sự tự nguyện của chị N là chính đáng, mặt khác anh T hiện nay cũng đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, do đó giao cháu Hợi cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng T hoặc đến khi có thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N đến khi có yêu cầu khác. Đối với cháu Hoàng đã trưởng T và tự lập nên không xem xét. Chị N có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[4.] Về tài sản chung: Chị Nợ, anh T thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử thì chị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chị Đào Thị N được ly hôn với anh Tạ Viết T.

Về con chung: Xác nhận chị N, anh T có 02 con chung là cháu Tạ Viết Hoàng, sinh năm 2000 và cháu Tạ Viết Hợi, sinh năm 2007. Hiện nay cháu Hoàng đã trưởng T và tự lập. Giao cháu Hợi cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng T hoặc đến khi có thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N đến khi có thay đổi. Chị N có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đào Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004760 ngày 13/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự báo chị N, anh T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND T phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THA huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Yên Hòa, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Tưởng Ngọc Tuấn